

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT Á**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021  
(Đã được kiểm toán)



**NỘI DUNG**

	Trang
THÔNG TIN CHUNG	02
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	06 - 51
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	06 - 08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	12 - 51

## THÔNG TIN CHUNG

### NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Ngân hàng được thành lập theo Quyết định số 440/QĐ-NHNN ngày 09/05/2003 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Giấy phép hoạt động số 12/NH-GP ngày 09/05/2003. Ngày 31/05/2019, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã cấp Giấy phép số 55/GP-NHNN thay thế cho Giấy phép hoạt động số 12/NH-GP ngày 09/05/2003.

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại Tầng 4 và 5, toà nhà Samsora Premier, số 105 đường Chu Văn An, phường Yết Kiêu, quận Hà Đông, TP. Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phương Thành Long	Chủ tịch	(Thành viên HĐQT, bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT ngày 08 tháng 09 năm 2021)
Ông Phương Hữu Việt	Thành viên	(Miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT ngày 08 tháng 09 năm 2021)
Ông Phan Văn Tới	Phó Chủ tịch	
Ông Phương Hữu Việt	Thành viên	
Ông Trần Tiến Dũng	Thành viên	
Bà Phương Minh Huệ	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2021)
Ông Nguyễn Hồng Hải	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Trọng	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2021)

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Kim Phượng	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Hoan	Thành viên
Ông Hoàng Vũ Tùng	Thành viên

### BAN ĐIỀU HÀNH VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Điều hành và Kế toán trưởng trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Trọng	Quyền Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 08 tháng 09 năm 2021)
Ông Nguyễn Văn Trọng	Phó Tổng Giám đốc phụ trách điều hành	(Miễn nhiệm ngày 08 tháng 09 năm 2021)
Ông Phạm Linh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Minh Huân	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Cù Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phương Thành Long	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 08 tháng 09 năm 2021)
Ông Nguyễn Thành Công	Kế toán trưởng	(Bổ nhiệm ngày 08 tháng 09 năm 2021)

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 07 tháng 09 năm 2021 là ông Phương Hữu Việt - Nguyên Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Ông Phương Thành Long được bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ ngày 08 tháng 09 năm 2021 và là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng từ thời điểm đó đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Quyền Tổng Giám đốc của Ngân hàng, ông Nguyễn Văn Trọng, được Hội đồng Quản trị ủy quyền ký Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng theo Giấy uỷ quyền số 145/2021/UQ-CT.HĐQT ngày 08 tháng 09 năm 2021 của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Việt Á.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Ngân hàng.



## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Ngân hàng trình bày báo cáo này và Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

### Trách nhiệm của Ban Điều hành đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Điều hành Ngân hàng cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành và Ban quản trị Ngân hàng xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Ngân hàng đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng, với mức độ chính xác, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ với các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Ngân hàng và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

### Phê chuẩn Báo cáo tài chính hợp nhất

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 6 đến trang 51. Các Báo cáo tài chính hợp nhất này trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Điều hành



Nguyễn Văn Trọng

Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2022



Số: 250322.027/BCTC.KT1

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành  
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á được lập ngày 25 tháng 03 năm 2022, từ trang 6 đến trang 51, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ngân hàng đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP. Hồ Chí Minh. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính hợp nhất này tại ngày 13 tháng 04 năm 2021.



**Phạm Anh Tuấn**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0777-2018-002-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2022

**Hà Văn Xuyên**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 3383-2020-002-1





## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN</b>			
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	3	398.641.826.345	295.746.112.695
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	4	2.341.302.448.289	2.200.651.682.348
III	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	5	22.855.032.502.539	15.223.083.833.362
1	Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		22.730.032.502.539	15.223.083.833.362
2	Cho vay các tổ chức tín dụng khác		125.000.000.000	-
V	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	6	4.004.260.508	5.554.449.516
VI	Cho vay khách hàng		53.853.929.621.847	47.808.005.549.421
1	Cho vay khách hàng	7	54.458.731.509.641	48.378.542.968.777
3	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	8	(604.801.887.794)	(570.537.419.356)
VIII	Chứng khoán đầu tư	9	8.772.591.023.100	12.399.950.665.898
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		6.825.684.983.579	11.216.122.161.812
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		1.961.588.983.059	1.199.999.287.624
3	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(14.682.943.538)	(16.170.783.538)
IX	Góp vốn, đầu tư dài hạn	10	113.873.630.000	113.873.630.000
4	Đầu tư dài hạn khác		113.873.630.000	113.873.630.000
X	Tài sản cố định		212.453.371.543	207.724.906.906
1.	Tài sản cố định hữu hình	11	82.067.137.498	72.773.496.212
a	Nguyên giá TSCĐ		303.094.286.968	295.165.480.544
b	Hao mòn TSCĐ		(221.027.149.470)	(222.391.984.332)
3.	Tài sản cố định vô hình	12	130.386.234.045	134.951.410.694
a	Nguyên giá TSCĐ		240.130.987.753	234.887.713.253
b	Hao mòn TSCĐ		(109.744.753.708)	(99.936.302.559)
XII	Tài sản Có khác	13	12.481.440.089.519	8.274.759.023.315
1	Các khoản phải thu		7.489.128.613.194	3.063.802.580.285
2	Các khoản lãi, phí phải thu		3.539.253.333.560	3.453.802.454.335
4	Tài sản Có khác		1.779.737.197.726	1.806.636.861.715
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		(326.679.054.961)	(49.482.873.020)
	<b>TỔNG TÀI SẢN CÓ</b>		<b>101.033.268.773.690</b>	<b>86.529.349.853.461</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

STT	Chi tiêu	Thuyết minh	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
<b>B</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>			
<b>II</b>	<b>Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác</b>	<b>14</b>	<b>23.197.110.232.269</b>	<b>18.166.993.738.362</b>
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		21.919.258.728.574	13.601.194.237.235
2	Vay các tổ chức tín dụng khác		1.277.851.503.695	4.565.799.501.127
<b>III</b>	<b>Tiền gửi của khách hàng</b>	<b>15</b>	<b>67.690.998.877.873</b>	<b>59.271.859.700.279</b>
<b>VI</b>	<b>Phát hành giấy tờ có giá</b>	<b>16</b>	<b>1.882.027.000.000</b>	<b>1.357.635.398.735</b>
<b>VII</b>	<b>Các khoản nợ khác</b>		<b>1.885.315.383.494</b>	<b>2.008.933.360.113</b>
1	Các khoản lãi, phí phải trả		1.379.912.056.741	1.602.620.402.642
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả		8.000.000.000	-
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	<b>17</b>	<b>497.403.326.753</b>	<b>406.312.957.471</b>
	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>94.655.451.493.636</b>	<b>80.805.422.197.489</b>
<b>VIII</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18</b>	<b>6.377.817.280.054</b>	<b>5.723.927.655.972</b>
1	Vốn của tổ chức tín dụng		4.449.747.740.351	4.449.747.740.351
a	Vốn điều lệ		4.449.635.670.000	4.449.635.670.000
c	Thặng dư vốn cổ phần		98.600.000	98.600.000
g	Vốn khác		13.470.351	13.470.351
2	Quỹ của tổ chức tín dụng		276.854.471.680	276.854.471.680
5	Lợi nhuận chưa phân phối		1.651.215.068.023	997.325.443.941
	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>101.033.268.773.690</b>	<b>86.529.349.853.461</b>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2021	31/12/2020
			VND	VND
1	Bảo lãnh vay vốn		-	300.000.000.000
2	Cam kết giao dịch hối đoái		911.000.000.000	3.162.645.000.000
c	Cam kết giao dịch hoán đổi		911.000.000.000	3.162.645.000.000
4	Cam kết trong nghiệp vụ L/C		134.494.629.571	382.891.507.294
5	Bảo lãnh khác		533.999.710.766	684.886.456.296

Người lập biểu

Nguyễn Hữu Cường

Kế toán trưởng

Nguyễn Thành Công

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2022

Quyền Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Trọng

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2021

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	19	5.479.827.988,085	5.788.355.560,383
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	20	(3.928.520.601,440)	(4.477.575.756,332)
<b>I</b>	<b>Thu nhập lãi thuần</b>		<b>1.551.307.386,645</b>	<b>1.310.779.804,051</b>
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		72.759.885,798	50.434.749,704
4	Chi phí hoạt động dịch vụ		(31.944.976,214)	(33.934.070,409)
<b>II</b>	<b>Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>21</b>	<b>40.814.909,584</b>	<b>16.500.679,295</b>
<b>III</b>	<b>Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>	<b>22</b>	<b>10.215.341,395</b>	<b>33.984.368,124</b>
<b>IV</b>	<b>Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh</b>	<b>23</b>	<b>63.737.986,528</b>	<b>1.277.542,843</b>
<b>V</b>	<b>Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư</b>	<b>24</b>	<b>55.210.344,525</b>	<b>16.093.101,809</b>
5	Thu nhập từ hoạt động khác		256.068.747,085	402.700.018,609
6	Chi phí hoạt động khác		(6.148.605,475)	(47.429.682,136)
<b>VI</b>	<b>Lãi thuần từ hoạt động khác</b>	<b>25</b>	<b>249.920.141,610</b>	<b>355.270.336,473</b>
<b>VII</b>	<b>Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần</b>	<b>26</b>	<b>2.649.145,026</b>	<b>47.822.955,000</b>
<b>VIII</b>	<b>Chi phí hoạt động</b>	<b>27</b>	<b>(661.502.856,039)</b>	<b>(616.682.423,678)</b>
<b>IX</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>		<b>1.312.352.399,274</b>	<b>1.165.046.363,917</b>
<b>X</b>	<b>Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>	<b>28</b>	<b>(472.641.071,655)</b>	<b>(757.570.969,567)</b>
<b>XI</b>	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>		<b>839.711.327,619</b>	<b>407.475.394,350</b>
7	Chi phí thuế TNDN hiện hành		(177.821.703,537)	(75.459.391,590)
8	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		(8.000.000,000)	-
<b>XII</b>	<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>29</b>	<b>(185.821.703,537)</b>	<b>(75.459.391,590)</b>
<b>XIII</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>		<b>653.889.624,082</b>	<b>332.016.002,760</b>
<b>XVI</b>	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>18.2</b>	<b>1.470</b>	<b>834</b>

Người lập biểu



Nguyễn Hữu Cường

Kế toán trưởng



Nguyễn Thành Công

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2022

Quyền Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Trọng



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2021

(Theo phương pháp trực tiếp)

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		5.394.377.108.860	5.446.154.834.581
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(4.151.228.947.341)	(4.248.856.932.489)
03	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		40.814.909.584	16.500.679.295
04	Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)		127.675.832.448	51.355.012.776
05	Thu nhập khác		113.631.551.678	324.639.103.101
06	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro		136.221.089.932	30.611.642.463
07	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(635.199.287.929)	(595.282.519.725)
08	Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm		(165.065.711.232)	(76.334.875.391)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động</b>		<b>861.226.546.000</b>	<b>948.786.944.611</b>
<b>Những thay đổi về tài sản hoạt động</b>				
09	(Tăng)/Giảm các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác		(75.000.000.000)	100.000.000.000
10	(Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		3.628.847.482.798	1.865.054.881.496
11	(Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		1.550.189.008	43.572.670.484
12	(Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng		(6.080.188.540.864)	(5.753.270.399.593)
13	Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản		(161.180.421.276)	(1.475.928.935.335)
14	(Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động		(4.398.426.368.920)	(2.712.119.122.848)
<b>Những thay đổi về công nợ hoạt động</b>				
16	Tăng/(Giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng		5.030.116.493.907	(3.249.481.961.768)
17	Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả Kho Bạc Nhà nước)		8.419.139.177.594	11.843.149.228.913
18	Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)		524.391.601.265	108.290.270.420
19	Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro		-	(6.546.256.000)
21	Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động		79.026.024.477	105.513.730.331
22	Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng		(701.000.000)	-
I	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>7.828.801.183.989</b>	<b>1.817.021.050.711</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
01	Mua sắm tài sản cố định		(31.022.680.247)	(32.643.122.727)
02	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		67.500.000	19.590.909
05	Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	3.034.540.000
08	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		-	199.500.000.000
09	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		2.649.145.026	47.822.955.000

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2021

(Theo phương pháp trực tiếp)

STT	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
II	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(28.306.035.221)	217.733.963.182
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
01	Tăng vốn cổ phần từ góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu		-	949.645.200.000
III	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	949.645.200.000
IV	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		7.800.495.148.768	2.984.400.213.893
V	Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu năm		17.669.481.628.405	14.685.081.414.512
VII	Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối năm	30	25.469.976.777.173	17.669.481.628.405

Người lập biểu

Nguyễn Hữu Cường

Kế toán trưởng

Nguyễn Thành Công

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2022

Quyền Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Trọng